



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **THANH TOÁN QUỐC TẾ** (International transactions)
- Mã học phần: FIN424
- Số tín chỉ: 3 (3,0,6)
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: không
- Đơn vị phụ trách: Khoa Du lịch
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
 - Lý thuyết: 45 (1 tín chỉ LT = 15 tiết)
 - Thực hành: 0 (1 tín chỉ TH = 30 tiết)
 - Thực tập: 0 (1 tín chỉ TT = 60 giờ TT tại cơ sở)
 - Đồ án/ Khóa luận: 0 (1 tín chỉ ĐA/KL = 45 giờ làm ĐA/KL)

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hiền
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Du lịch - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0905491088
- Email: Hiennt@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phan Trần Tuyên
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Du lịch - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0369858696
- Email: Tuyenpt@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 4 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về tiền tệ, tỷ giá hối đoái, những phương tiện thanh toán quốc tế, phương thức chuyển tiền và nhờ thu nhằm giúp người học hiểu được về tiền tệ thế giới, các loại tỷ giá thông dụng, các phương pháp tính tỷ giá. Cùng với đó người học được giới thiệu cơ bản về các phương tiện và phương thức trong thanh toán quốc tế để có thể vận dụng vào các giao dịch ngoại thương. Bên cạnh đó, môn học tích hợp giảng dạy các kỹ năng như kỹ năng giải quyết vấn đề, xử lý tình huống.

4. Mục tiêu của học phần

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về tiền tệ thế giới, tỷ giá hối đoái và thị trường hối đoái; các phương tiện thanh toán, các phương thức thanh toán quốc tế.
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về tỷ giá hối đoái, các phương tiện thanh toán quốc tế, phương thức thanh toán quốc tế để vận dụng hợp lý các phương thức thanh toán quốc tế trong giao dịch của hoạt động các doanh nghiệp du lịch.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và giải quyết vấn đề hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
Kiến thức	
CLO1	Trình bày các khái niệm tiền tệ, tỷ giá hối đoái, các phương tiện và các phương thức thanh toán quốc tế
CLO2	Áp dụng các phương tiện và các phương thức thanh toán quốc tế vào hoạt động du lịch
Kỹ năng	
CLO3	Vận dụng kỹ năng sử dụng các phương tiện và các phương thức thanh toán quốc tế trong hoạt động kinh doanh du lịch
CLO4	Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói, văn bản, thuyết trình.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CLO5	Có ý thức trách nhiệm với công việc, sẵn sàng phục vụ khách và hỗ trợ bộ phận có liên quan đến thanh toán quốc tế

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra CTĐT và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
CLO1	H											
CLO2		L										
CLO3							M		H			
CLO4							M					
CLO5											M	

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung	Đáp ứng CLOs
Chương 1	TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI	CLO1
1.1.	Khái niệm về ngoại hối	
1.2.	Khái niệm về tỷ giá hối đoái	
1.3.	Cơ sở chính để xác định tỷ giá hối đoái	
1.4.	Phân loại tỷ giá hối đoái	
1.5.	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến du lịch	
Chương 2	CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ TÀI CHÍNH VÀ TIỀN TỆ TRONG CÁC HỢP ĐỒNG DU LỊCH QUỐC TẾ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
2.1.	Khái quát về hợp đồng du lịch quốc tế	
2.2.	Bản chất của các điều kiện tài chính – tiền tệ trong các hợp đồng du lịch	
2.3.	Các điều kiện tài chính trong hợp đồng du lịch quốc tế	
2.4.	Các điều kiện tiền tệ trong hợp đồng du lịch quốc tế	
Chương 3	CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ TRONG KINH DOANH DU LỊCH	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
3.1.	Những đặc điểm của du lịch ảnh hưởng đến hoạt động thanh toán quốc tế trong du lịch	
3.2.	Các phương thức thanh toán quốc tế và sự vận dụng trong kinh doanh du lịch	
Chương 4	CÁC PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN QUỐC TẾ TRONG KINH DOANH DU LỊCH	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
4.1.	Các phương tiện thanh toán thông dụng trong lĩnh vực thương mại quốc tế	
4.2.	Các phương tiện thanh toán thông dụng trong du lịch	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
6.2.1.	Bài tập cá nhân	
	- Người học thực hành phương pháp quy đổi các đồng tiền các nước theo các bài tập tình huống đặt ra trong thanh toán giao dịch của các doanh nghiệp, nhà cung cấp du lịch. - Người học thực hành các phương tiện thanh toán quốc tế.	CLO2
6.2.2.	Bài tập nhóm	
	- Người học thảo luận với nhóm các câu hỏi của giảng viên. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.	CLO3, CLO4

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
1	Tỷ giá hối đoái	10	0	0	20	30	
2	Các điều kiện về tài chính và tiền tệ trong các hợp đồng du lịch quốc tế	10	0	0	20	30	
3	Các phương thức thanh toán quốc tế trong kinh doanh du lịch	10	0	0	20	30	
4	Các phương tiện thanh toán quốc tế trong kinh doanh du lịch	15	0	0	30	45	
Tổng		45	0	0	90	135	

CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

Trình bày các phương tiện thanh toán quốc tế được sử dụng rộng rãi hiện nay, cách sử dụng và tiện ích của các phương tiện này đối với hoạt động du lịch.

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Giải quyết vấn đề
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	X	X	X	X	X
Vấn đáp	X		X	X	
Giải quyết vấn đề		X	X	X	X
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X	X	X		

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Bài tập
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Bài tập	X	X	X		
Làm việc nhóm	X	X	X		X
Tự học, tự nghiên cứu	X	X	X	X	

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*
 - a. Điểm chuyên cần: dự lớp, trọng số 20%
 - b. Điểm kiểm tra thường xuyên: bài tập, trọng số 20%
2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: Tự luận

Các tiêu chí và trọng số điểm từng nội dung cần đánh giá được thể hiện qua các rubrics trình bày trong Phụ lục đính kèm Đề cương chi tiết này.

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Chuyên cần	X				X
Bài tập		X	X	X	X
Tự luận	X	X			X

13. Tài liệu phục vụ cho học phần:

13.1. Tài liệu chính

- Trần Thị Minh Hoà (2012), *Thanh toán quốc tế trong du lịch*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

13.2. Tài liệu tham khảo

- Đỗ Đức Bình và Ngô Thị Tuyết Mai, (2019). *Kinh tế quốc tế*. NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân.
- Bài giảng Thanh toán quốc tế (giảng viên cung cấp), Lưu hành nội bộ.

TP.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2022

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng Khoa/ Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Minh Đức

PGS.TS. Phạm Xuân Hậu

ThS. Nguyễn Thị Hiền



PHỤ LỤC CÁC RUBRICS ĐÁNH GIÁ

Rubric 1. Đánh giá chuyên cần – tham gia hoạt động tại lớp (Chiếm 20% tổng điểm cuối cùng của môn học)

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Chuyên cần	Chuyên cần	Tham gia đầy đủ và đúng giờ tất cả các buổi học lý thuyết và thực hành	Vắng 1 buổi không có lý do chính đáng hoặc 2 buổi có lý do chính đáng; đôi lúc đi trễ	Vắng 2 buổi không có lý do chính đáng hoặc 3-4 buổi có lý do chính đáng; thỉnh thoảng đi trễ	Vắng 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc 5 buổi có lý do chính đáng; hay đi trễ	Vắng trên 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc trên 5 buổi có lý do chính đáng; thường xuyên đi trễ	50% (5 điểm)
2	Tham gia các hoạt động trên lớp	Bài tập về nhà (nếu có)	Hoàn thành đầy đủ bài tập về nhà	Thường xuyên làm bài tập về nhà đầy đủ	Làm bài tập về nhà tương đối đầy đủ	Có làm bài tập về nhà nhưng còn sơ sài	Không làm bài tập về nhà	50% (5 điểm)
		Tham gia các hoạt động trên lớp	Luôn luôn chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; luôn đưa ra các ý kiến sát đúng với nội dung bài học; chủ động triển khai các hoạt động thảo luận nhóm	Tương đối chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; thường xuyên đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia tích cực các hoạt động thảo luận nhóm	Có tham gia các hoạt động trên lớp nhưng đôi lúc chưa được chủ động và tích cực; thỉnh thoảng đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia các hoạt động thảo luận nhóm	Chưa chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gọi ý; thỉnh thoảng tham gia các hoạt động thảo luận nhóm	Không tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; không đưa ra được các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gọi ý; không tham gia các hoạt động thảo luận nhóm	

* Các lý do chính đáng bao gồm: thiên tai, tang gia (ông bà, bố mẹ, anh chị em ruột), cưới hỏi của bản thân, năm viện có giấy xác nhận, tham gia các hoạt động đoàn thể được điều động theo danh sách và một số trường hợp đặc biệt khác được sự đồng ý của các cấp có thẩm quyền.

Rubric 2. Kiểm tra tự luận

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Nội dung và hình thức trình bày	<i>Trả lời ngắn (câu hỏi bậc 1: trình bày tái hiện kiến thức)</i>	- Trình bày đúng và đầy đủ các nội dung nêu trong đáp án. - Không có hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt.	- Trình bày đúng và đạt 70-80% nội dung nêu trong đáp án. - Có 3-4 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt	- Trình bày đúng và đạt 50-60% nội dung nêu trong đáp án. - Có 5-6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.	- Trình bày đúng và đạt 40-50% nội dung nêu trong đáp án. - Có trên 6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.	Không trình bày được hoặc trình bày sơ sài các thông tin về vấn đề được yêu cầu.	Giảng viên điều chỉnh theo từng đề thi cụ thể
		<i>Tự luận (câu hỏi bậc 2,3: Phân tích, chứng minh, đánh giá vấn đề)</i>	- Thể hiện hiểu biết sâu sắc và quan điểm cá nhân về vấn đề nêu ra. - Có dẫn chứng và lập luận thuyết phục để bảo vệ quan điểm của mình. - Không có hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt	- Thể hiện hiểu biết tương đối toàn diện về vấn đề nêu ra. - Có đưa ra quan điểm cá nhân. - Dẫn chứng và lập luận chưa thực sự chặt chẽ. - Có 3-4 lỗi chính tả và diễn đạt.	- Thể hiện được hiểu biết về vấn đề. - Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân. - Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận. - Có 5-6 lỗi chính tả và diễn đạt.	- Trình bày vấn đề một cách đơn giản. - Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân. - Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận. - Có trên 6 lỗi chính tả và diễn đạt.	Không trình bày được hoặc trình bày một cách sơ sài về vấn đề được yêu cầu.	